TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/DS-ST
Ngày: 16-12-2019
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU - TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Tới;

2. Ông Nguyễn Văn Tẻo.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Tiến Danh, Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bến Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 9 năm 2019, về việc "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXX-ST ngày 12 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên toà số: 22/2019/QĐST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Địa chỉ trụ sở: Số X, đường Y, Phường Z, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức B - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc C - Trưởng phòng giao dịch T (theo văn bản uỷ quyền số: 4140/2018/GUQ-PL ngày 10-12-2018)

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Quốc C là ông Nguyễn Ngọc M, chức vụ: Phó Phòng giao dịch tiềm năng T (theo văn bản uỷ quyền số: 06/2018/GUQ-PGDGD ngày 22-12-2018)

Địa chỉ liên lạc: KP X1, Quốc lội 22, Nội ô thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Có mặt

2. Bị đơn: ông Nguyễn Đại N, sinh năm 1979.

Địa chỉ cư trú: Tổ 16, ấp X2, xã Y2, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23-9-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Ngọc M trình bày:

Ngày 08-01-2015, ông Nguyễn Đại N (mã số khách hàng 5863906) có đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với Ngân hàng A - Phòng giao dịch tại huyện T (gọi tắt là ngân hàng) số tiền 15.000.000 đồng. Đến ngày 02-02-2015, ngân hàng cấp cho ông N một thẻ tín dụng có mã số 970403-2068 với số tiền có sẵn trong thẻ là 15.000.000 đồng. Ông N vay tiền với mục đích tiêu dùng cá nhân, hình thức vay tín chấp, không kỳ hạn, lãi suất thỏa thuận là 2,5%/tháng (có thể thay đổi lãi suất theo từng thời kỳ), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất thỏa thuận. Đối với thẻ được cấp, ông N được quyền sử dụng hạn mức thẻ tối đa số tiền 15.000.000 đồng và có nghĩa vụ trả tiền gốc, lãi hàng tháng theo quy định từng thời kỳ bằng hình thức nộp tiền lại vào thẻ theo số tiền thông báo của ngân hàng. Từ khi nhận thẻ ngày 02-02-2015 cho đến năm 2017, ông N sử dụng tổng cộng số tiền 21.770.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, ông N đã thanh toán nhiều lần đến ngày 05-11-2017 còn nợ 13.881.777 đồng thì không tiếp tục thanh toán mặc dù ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông N trả nợ. Do ông N vi phạm nghĩa vụ hợp đồng nên ngân hàng áp dụng mức lãi phạt là 150% trên lãi suất đã thỏa thuận là 3,75%/ tháng/ trên số tiền nợ theo qui định tại Điều khoản 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng có hiệu lực từ ngày 15-8-2014. Đến ngày 05-8-2019 ông N trả 3.000.000 đồng; ngày 05-9-2019, ông N tiếp tục trả 2.000.000 đồng, cho khấu trừ vào tiền nợ gốc 13.881.777 đồng thì ông N còn nợ lại 8.881.777 đồng đến nay không trả. Do đó, ngân hàng yêu cầu ông N trả số tiền còn nợ tính đến ngày 16-12-2019 là 21.347.669 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 8.881.777 đồng và tiền lãi quá hạn với lãi suất 3,75%/ tháng tính từ ngày 05-11-2017 đến ngày 16-12-2019 là 12.465.892 đồng) và trả tiền lãi theo mức lãi suất 3,75%/tháng cho đến khi ông N thanh toán xong hết nợ.

Bị đơn – ông Nguyễn Đại N đã được tòa án niêm yết triệu tập và tống đạt hợp lệ theo qui định của pháp luật nhưng ông N vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án không ghi lời khai, không tiến hành hòa giải được và Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông N đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nhưng ông N

vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng qui định pháp luật. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành và chưa thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ tố tụng. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Kiểm sát viên không thấy vi phạm tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng đối với ông Nguyễn Đại N. Buộc ông Nguyễn Đại N có nghĩa vụ trả cho ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 16-12-2019 là 21.347.669 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh.

Về án phí: Buộc ông Nguyễn Đại N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật. Ngân hàng không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến trình bày của đương sự tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng A khởi kiện ông Nguyễn Đại N về tranh chấp hợp đồng tín dụng, ông N có địa chỉ cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu thụ lý giải quyết là đúng quy định tại Điều 26 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, bị đơn là ông Nguyễn Đại N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Nguyễn Đại N. Ông N phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo qui định tại các Điều 6; Điều 72 và Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ngân hàng đối với ông Nguyễn Đại N, thấy rằng: Ông Nguyễn Đại N có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 18-01-2015 với ngân hàng, mục đích tiêu dùng cá nhân, hình thức vay tín chấp, không kỳ hạn, lãi suất thoả thuận là 2,5%/tháng (có thể thay đổi lãi suất theo từng thời kỳ). Ngày 02-02-2015, ông N được nhận một thẻ tín dụng có mã số 970403-

2068 và được quyền sử dụng hạn mức thẻ tối đa 15.000.000 đồng là có thật. Hợp đồng giữa các bên ký kết là hợp pháp về hình thức, nội dung và lãi suất, vì theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật". Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông N đã rút tiền sử dụng và còn nợ tính đến ngày 05-12-2017 là 13.881.777 đồng thì không thanh toán mặc dù đã được yêu cầu. Ngày 05-8-2019, ông N trả 3.000.000 đồng; ngày 05-9-2019, ông N trả 2.000.000 đồng, khấu trừ vào tiền nợ gốc 13.881.777 đồng, ông N còn nợ lại 8.881.777 đồng đến nay không trả. Do đó, ông N đã vi phạm nghĩa vụ hợp đồng nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông N trả tiền nợ gốc còn lại 8.881.777 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu về mức lãi suất áp dụng thì thấy rằng: Việc thỏa thuận giữa ngân hàng và ông N về mức lãi suất, phí dịch vụ theo Điều khoản 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng có hiệu lực từ ngày 15-8-2014 là tự nguyện, phù hợp với qui định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010. Do đó, ngân hàng áp dụng lãi quá hạn 3,75%/ tháng trên số tiền nợ là có căn cứ nên cần buộc ông Nguyễn Đại N có nghĩa vụ trả cho ngân hàng số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 16-12-2019 là 21.347.669 đồng (làm tròn thành 21.347.000 đồng) và tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất 3,75%/tháng.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng đối với ông Nguyễn Đại N là có căn cứ.

[5]. Về án phí: ông Nguyễn Đại N phải chịu án phí theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ngân hàng không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A - Phòng giao dịch huyện T đối với ông Nguyễn Đại N. Buộc ông Nguyễn Đại N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A - Phòng giao dịch huyện T số tiền gốc và lãi quá hạn tính đến ngày 16-12-2019 là 21.347.000 (hai mươi mốt triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn) đồng.

Kể từ ngày 17-12-2019 nếu ông Nguyễn Đại N chưa thanh toán số tiền nêu trên cho ngân hàng thì ông Nguyễn Đại N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất của hợp đồng tín dụng ngày 08-01-2015 cho đến khi thanh toán xong.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Đại N phải chịu 1.067.000 (một triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng A - Phòng giao dịch huyện T số tiền 507.000 (năm trăm lẻ bảy nghìn) đồng theo biên lai số: 0022187 ngày 23-9-2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Ngân hàng A - Phòng giao dịch huyện T sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Đại N có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Trang Thái Châu